

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2020/DS-ST**

Ngày: 18-5-2020

“V/v: Tranh chấp Hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành H

2. Ông Phạm Văn Gi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị B – Thư ký Tòa án

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh BP tham gia phiên tòa: Ông
Bùi Anh T - Kiểm sát viên.*

Ngày 18/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh BP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “Hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim Nh, sinh năm 1963. (vắng mặt)*

Trú tại: Khu phố 3, phường Tiến Thành, thành phố B, tỉnh BP.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985.
(có mặt)*

Trú tại: Ấp 7, xã Tân Thành, thành phố B, tỉnh BP.

** Bị đơn: Bà Phan Thị Th, sinh năm 1990. (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng
mặt)*

Trú tại: Tổ 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện A, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Phan Thị Th là chỗ quen biết với con dâu bà Nh là Nguyễn Thị Thanh T. Vào tháng 01/2016, bà Th có nhờ bà T cho tham gia chơi hội do bà Nh tổ chức. Bà Th chơi 02 chân hội, mỗi chân là 5.000.000 đồng, gồm 02 dây, mỗi dây là 12 người tham gia (Hội sống lúc đóng là 4.200.000 đồng/chân; hội chết lúc hót là 5.000.000 đồng/chân). Bà Th tham gia đến tháng thứ 4 thì xin hót hội (Tổng số tiền được hót hội là khoảng 80.000.000 đồng). Kể từ tháng thứ 5 cho đến khi hết dây hội là tháng thứ 12 bà Th không đóng nữa, tức là dây hội 01 còn 08 chân chưa đóng (từ tháng thứ 5 đến tháng thứ 12) với số tiền chưa đóng là 40.000.000 đồng. Dây hội thứ 02 còn 08 chân chưa đóng (từ tháng thứ 5 đến tháng thứ 12) với số tiền chưa đóng là 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền đối với 02 dây hội bà Th chưa đóng là 80.000.000 đồng.

Đến ngày 13/5/2016, bà Nh đã yêu cầu bà Th phải viết giấy vay tiền để chốt lại khoản hội bà Th không đóng là 80.000.000 đồng, bà Th đã đồng ý viết “*Giấy mượn tiền*”, theo đó bà Th thỏa thuận còn nợ lại bà Nh tổng số tiền là 80.000.000 đồng, bà Th sẽ trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 5/2016 cho đến khi hết nợ.

Từ tháng 5/2016 đến tháng 5/2019 bà Th đã trả cho bà Nh số tiền là 38.000.000 đồng, từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019 bà Th chỉ trả cho bà Nh mỗi tháng 500.000 đồng. Tổng cộng bà Th đã trả cho bà Nh là 40.000.000 đồng. Hiện nay, bà Th còn nợ lại số tiền 40.000.000 đồng nhưng cố tình không trả như thỏa thuận.

Nay bà Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Th trả số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Th trình bày:

Bà Th thừa nhận có tham gia chơi hội với bà Trần Thị Kim Nh vào năm 2016 như đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bà Th chơi 02 dây hội, mỗi dây hội là 12 chân, mỗi chân hội chết là 5.000.000 đồng. Bà Th đóng hội sống đến tháng 4/2019 thì hót cả 02 chân hội của 02 dây, với tổng số tiền hót là gần 80.000.000 đồng. Sau khi hót hội thì do bà Th gặp khó khăn nên không thể đóng tiền hội theo thỏa thuận được.

Đến ngày 13/5/2016, bà Th có nhờ bà Nh chốt lại số tiền bà Th còn nợ hội để trả dần thì được bà Nh đồng ý. Sau đó, bà Th viết giấy mượn tiền với nội dung thỏa thuận bà Th còn nợ lại bà Nh tổng số tiền 80.000.000 đồng và hẹn sẽ trả dần 1.000.000đồng/tháng cho đến khi trả hết khoản nợ 80.000.000 đồng.

Kể từ thời gian chốt nợ thì bà Th vẫn trả hàng tháng cho bà Nh cho đến tháng 11/2019 đã trả tổng số tiền 40.000.000 đồng. Đến nay bà Th vẫn còn nợ lại bà Nh tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Khoảng tháng 6/2019 đến tháng 11/2019 do việc làm ăn thua lỗ và khó khăn nên bà Th có xin bà Nh trả dần số tiền hàng tháng là 500.000

đồng thì được bà Nh đồng ý. Sau đó, bà Th trả được khoảng 04 tháng thì lâm vào cảnh khó khăn không còn khả năng trả dần nữa. Nay bà Nh khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả số tiền còn nợ lại là 40.000.000 đồng thì bà Th đồng ý. Tuy nhiên, do hiện nay hoàn cảnh khó khăn không thể trả thành một lần, nên bà Th xin được trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà Phan Thị Th không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh BP kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên toà, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Nh về việc buộc bị đơn bà Phan Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hui còn nợ 40.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Trần Thị Kim Nh khởi kiện buộc bị đơn Phan Thị Th phải trả số tiền hui còn nợ là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), bị đơn có nơi cư trú tại tổ 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện A, tỉnh BP. Do đó, *căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự 2005, Điều 30 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, Tòa án* xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp Hui*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh BP, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn Phan Thị Th phải trả lại số tiền hui còn nợ lại 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 13/5/2016 thể hiện chữ viết và chữ ký của bà Phan Thị Th và giấy trả tiền hàng tháng theo thỏa thuận (có chữ ký của bà Th). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận còn nợ tiền hui là 80.000.000 đồng và bị đơn

viết giấy vay tiền để chốt số tiền còn nợ, đã trả dần được số tiền 40.000.000 đồng và còn nợ lại 40.000.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Nhưng do các bên không thống nhất với nhau phương thức trả nợ nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Xét lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1 Hợp đồng hui giữa bà Nh và bà Th được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật, khi lập hợp đồng các bên đều đã đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm dân sự. Do đó căn cứ các điều 122, 479 của Bộ luật dân sự 2005 và **Điều 30 của Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ**, Hợp đồng này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

3.2 Về thời hạn trả tiền: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất mỗi tháng trả 1.000.000 đồng kể từ tháng 5/2016 cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên kể từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay bà Th không tiếp tục trả tiền cho bà Nh như đã thỏa thuận, do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ theo như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ lại là 40.000.000 đồng. Lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, phù hợp với các tài liệu mà Tòa án thu thập được.

Bị đơn cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ về thời hạn góp hui nên căn cứ vào **Điều 479 Bộ luật dân sự 2005, Điều 30 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ** thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Phan Thị Th có nghĩa vụ phải trả cho bà Trần Thị Kim Nh tổng số tiền hui còn nợ là 40.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Phan Thị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 122, 479 của Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Điều 30 của Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Nh.

Buộc bị đơn Phan Thị Th phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Kim Nh số tiền hui còn nợ là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Th phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim Nh số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0011356, quyển số 0228 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh BP.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Trần Thị Kim Nh được quyền kháng cáo bản án; bà Phan Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- ☞ TAND tỉnh BP;
- ☞ VKSND huyện A;
- ☞ THADS huyện A;
- ☞ Các đương sự.
- ☞ Lưu;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

